TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ LĨNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/11/2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ LĨNH TỈNH CAO BẰNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bế Văn Thắng.

2. Bà: Nông Diệu Huế.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2019; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn C. Sinh năm 1982.

Trú tại: Xóm C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nông Thị L. Sinh năm 1983.

Trú tại: Xóm C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng anh Phan Văn C trình bày như sau:

Anh và chị Nông Thị L xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào ngày 30/5/2006. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xóm C, thị trấn H, huyện T, Cao Bằng và có 02 con chung. Con lớn tên là Phan Thái H, sinh ngày 15/3/2007; con nhỏ tên là Phan Thị Thúy N, sinh ngày 16/3/2010. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 02/2016 thì

giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần dẫn đến xô xát, anh nghi ngờ chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác; anh đọc sách xem tử vi thấy anh và chị L không hợp nhau. Anh và chị L đã sống ly thân được hơn hai năm. Hiện nay, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải được nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Nông Thị L.

- Về con chung: Do cả hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ly hôn nên anh nhất trí để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị L trình bày như sau:

Về thời gian kết hôn, con chung như anh C trình bày tại phiên tòa và trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, chị thừa nhận giữa hai người có nhiều bất đồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng chị không có mối quan hệ tình cảm nào với người đàn ông khác như anh C trình bày, chị và anh C đã sống ly thân từ ngày 21/6/2017 đến nay. Nay anh C yêu cầu được ly hôn, chị đồng ý. Tuy nhiên, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, bố mẹ chồng có chia ruộng đất cho hai vợ chồng, nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng. Diện tích cụ thể bao nhiêu thì chị không rõ vì tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do anh C giữ. Nay chị yêu cầu Tòa án chia số tài sản trên thành bốn phần đều nhau cho hai vợ chồng và hai con.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì thêm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn C được ly hôn với chị Nông Thị L; về con chung và tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định các vấn đề cần giải quyết như sau:

- Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Anh C và chị L đã được Tòa án triệu tập đến để tiến hành hòa giải hai lần. Tại biên bản hòa giải lần 1 ngày 12/4/2019 và lần 2 ngày 21/5/2019 các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành thì cả hai lần chị Nông Thị L đều có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận vì hai bên không thống nhất được vấn đề chia tài sản chung nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Nội dụng vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh C và chị L kết hôn năm 2006, trên cơ sở có tìm hiểu nhau, tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Con lớn tên là Phan Thái H, sinh ngày 15/3/2007; con nhỏ tên là Phan Thị Thúy N, sinh ngày 16/3/2010. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 02/2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần dẫn đến xô xát, anh C nghi ngờ chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vợ chồng đã sống ly thân được hơn hai năm.

Tòa án nhận định: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy việc anh C cho rằng chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác chỉ là do nghi ngờ chứ không có bằng chứng xác thực; việc cả anh C và chị L trình bày hai vợ chồng mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, có lần cãi vã dẫn đến xô xát nhưng đây chỉ là lời trình bày của các đương sự không có chứng cứ chứng minh và chính quyền địa phương cũng chưa tiến hành hòa giải, giải quyết lần nào.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định "Khi vợ hoặc chồng có yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được....".

Xét thấy thời gian anh C, chị L chung sống hạnh phúc 11 năm, có với nhau 02 con chung, nay anh C yêu cầu ly hôn với chị L chỉ vì anh C cho rằng bất đồng ý kiến, nghi ngờ chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không sống chung từ năm 2017 đến nay nhưng chị L không thừa nhận và anh C cũng không có chứng cứ chứng minh; anh C còn đưa ra lý do anh đọc sách xem tử vi thấy anh và

chị L không hợp nhau nên yêu cầu xin ly hôn. Những lý do anh C đưa ra để yêu cầu ly hôn với chị L đối chiếu với Điều luật đã trích dẫn trên là không có căn cứ pháp luật nên Tòa án không chấp nhận. Đồng thời, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, anh C không chứng minh được anh và chị L có mâu thuẫn trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án nhận thấy tình cảm giữa anh C và chị L chưa mâu thuẫn đến mức trầm trọng, hôn nhân còn có thể hàn gắn được. Vì vậy, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn C là được ly hôn với chị Nông Thị L để vợ chồng anh C, chị L đoàn tụ là có căn cứ và phù hợp với Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về con chung:* Anh C, chị L có hai con chung là cháu Phan Thái H, sinh ngày 15/3/2007 và cháu Phan Thị Thúy N, sinh ngày 16/3/2010 nên anh chị phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do không chấp nhận yêu cầu được ly hôn của anh Phan Văn C với chị Nông Thị L nên Tòa án không xem xét, giải quyết vấn đề con chung.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị L yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là đất đai của anh chị đứng tên. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu anh C và chị L cung cấp chứng cứ nhưng các đương sự đã không cung cấp cấp cho Tòa án các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng; Tòa án cũng đã yêu cầu phòng Tài nguyên và môi trường huyện cung cấp chứng cứ, phòng Tài nguyên và môi trường đã cung cấp được bản thống kê các thửa đất đứng tên hai vợ chồng nhưng khi yêu cầu chị L nộp phí để thẩm định, chị L đã không thực hiện. Do vậy, Tòa án không đủ chứng cứ, căn cứ và không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn C nên Tòa án không xem xét để giải quyết đối với yêu cầu chia đất của chị L. Anh chị không có nợ chung và không yêu cầu nên Tòa án cũng không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Anh Phan Văn C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn C với chị Nông Thị L.

Về án phí: Anh Phan Văn C phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. (Xác nhận anh C đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: AA/2011/02142 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Cao Bằng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trà Lĩnh;
- UBND TT. H,
huyện T, Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Khánh Dần